

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HS-ST
Ngày 29-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

2.Ông Đinh Công Trường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng H– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy– Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 10/01/2019 đối với bị cáo

Nguyễn Văn Đ , sinh năm 19/5/1988, tại Kiên Giang.

Hộ khẩu thường trú: Kinh 13, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn X sinh năm 1956; Mẹ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con

Tiền án: 01. Ngày 25/02/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) tuyên phạt 01 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2018, chuyển tạm giam từ ngày 12/10/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo được dẫn giải trước phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 (có đơn vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 11, phường P, thành phố H, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng: Ông Lê V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 3, khu phố Vạn H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyễn Văn Đ là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp, để có tiền sử dụng ma túy trưa ngày 09/10/2018 Đ nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản sơ hở trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Đ đi bộ đến đầu đường Lê Thánh Tông thuộc tổ 3, khu phố Vạn H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880 của ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1978, Trú tại: khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu dựng trên vỉa hè không có người trong coi, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên dừng lại. Đ đến gần chiếc xe xuống đường rồi bật khóa nổ máy bỏ chạy thì bị ông T phát hiện, truy hô cùng người dân bắt giữ Đ. Thu giữ tang vật: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 113/KL ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880 trị giá: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Về vật chứng vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã trả lại cho người bị hại là ông Nguyễn Anh T theo quyết định xử lý vật chứng số 102/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH ngày 17/10/2018 và biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/10/2018

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Anh T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm.

- Tại bản Cáo trạng số: 15/CT- VKS ngày 03/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi trái pháp luật của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và phát biểu luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do bị cáo gây ra, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Mỹ

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất không có yêu cầu gì thêm nên đại diện viện kiểm sát không có ý kiến về phần này

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 88, 98, 105 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh*:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 09/10/2018 tại đường L thuộc tổ 3, khu phố Vạn H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880 trị giá 6.000.000 đồng của ông Nguyễn Anh T.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, tuy nhiên do bản tính thích hưởng thụ nhưng lại lười lao động, bị cáo lại nghiện ma túy, muốn có tiền để mua ma túy sử dụng nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

Ngày 28/4/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) xử phạt 09 tháng tù giam (Bản án thứ nhất). Sau khi chấp hành xong hình phạt đến ngày 25/02/2011 bị cáo lại tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án thứ hai). Bị cáo đã chấp hành hình phạt tù của bản án thứ hai nhưng chưa đóng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 17/4/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2013 (Bản án thứ ba). Tính đến thời điểm phạm tội lần này thì đã hơn hai năm thời hạn để bị cáo được xóa án tích của bản án thứ ba theo Điều 70 Bộ

luật hình sự 2015. Tuy nhiên không xác định được bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự hay chưa vì Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An xác định đã ủy thác thi hành đến chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang, nhưng chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang lại xác định không nhận được văn bản ủy thác. Đây là lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng không phải lỗi của bị cáo nên cần áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo là xem như bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích của bản án thứ ba. Tính đến thời điểm này, bị cáo vẫn còn 01 tiền án chưa được xóa án tích của bản án thứ hai do chưa nộp tiền án phí. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ có đủ dấu hiệu tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát truy tố.

Với tính chất, mức độ phạm tội như trên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo, giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tiền án của bản án số 11/2011/HSST ngày 25/02/2011 (Bản án thứ hai) của bị cáo theo luật định chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Như vậy bị cáo có tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải, tài sản bị thiệt hại cũng đã được thu hồi trả cho người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật

[5] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Anh T sau khi nhận lại tài sản bị mất là chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 86H3-3880. Không có yêu cầu gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm h,s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Toàn không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ hải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- CCTHA dân sự thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; các đương sự; Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền